

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 368/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm;
2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; Địa chỉ: xx Đường Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: yy ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: xx Đường Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 24/5/2019 ông có hợp đồng với ông Lê Văn M dịch vụ làm hồ sơ tách sổ hồng cho ông, ông và ông M thỏa thuận giá 100.000.000 đồng, ông đưa trước cho ông M số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông trả cho ông M khi ông M hoàn thành công việc cho ông, nếu không hoàn thành xong dịch vụ như đã thỏa thuận thì ông

M phải trả lại tiền đã nhận của ông. Kể từ khi nhận tiền của ông thì ông M không làm được và ngày 24/5/2019 ông M trả lại cho ông toàn bộ hồ sơ, đến ngày 12/12/2019 ông M trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, ngày 05/01/2020 ông M trả tiếp cho ông 10.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần ông M trả cho ông 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 30.000.000 đồng ông M hẹn 20 ngày sau trả cho ông, nhưng ông M không thực hiện như đã hẹn, ông có liên lạc nhiều lần nhưng không liên lạc được với ông M. Ông M có viết cho ông “Hợp đồng nhận hồ sơ chuyển tách sổ ngày 24/5/2019”, khi ông M trả tiền số tiền còn lại hẹn 20 ngày. Nay ông yêu cầu ông M phải trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn C, việc ông C hợp đồng dịch vụ với ông Lê Văn M làm giấy tờ đất, việc này bà có biết nhưng bà không tham gia cùng ông C, ông C toàn quyền quyết định, bà không có ý kiến gì, bà bận công việc xin vắng mặt tại các buổi làm việc xét xử.

Đối với bị đơn ông Lê Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, những người tham gia tố tụng vắng mặt Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt và có đơn xin xét xử vắng mặt đảm bảo đúng quy định. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 28/7/2020 nhưng đến 26/4/2022 mới ban hành Quyết định xét là vi phạm thời hạn xét xử cần rút kinh nghiệm.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, buộc ông Lê Văn M phải trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nộp trực tiếp tại Tòa. Do đó, áp dụng Điều 228, 239 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông C bà L là phù hợp. Đối với ông Lê Văn M đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng ông M là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Ông C yêu cầu ông M trả số tiền số tiền 30.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của ông M thấy rằng:

3.1 Ngày 24-5-2019 ông C có hợp đồng với ông M thực hiện dịch vụ tách sổ đất cho ông, với giá 100.000.000 đồng, ông M nhận trước 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thỏa thuận sau khi hoàn tất hồ sơ sẽ nhận hết. Ông M có viết “Hợp đồng Hợp đồng nhận hồ sơ chuyển tách sổ ngày 24/5/2019”. Khi không thực hiện theo thỏa thuận ông M có trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng, trả hai lần. Số tiền còn lại chưa trả. Do đó, việc ông C và ông M có hợp đồng dịch vụ tách sổ, ông M có nhận

của ông C số tiền 50.000.000 đồng là có thật. Ông M đã trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng, số còn lại 30.000.000 đồng chưa trả, việc ông M không thực hiện đúng theo hợp đồng, nên cần buộc ông M có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở. Ông C không yêu cầu bồi thường hợp đồng nên ghi nhận.

3.2 Đối với bà Liên không có ý kiến cũng như không có yêu cầu gì trong vụ án này, tiền của ông C đưa cho ông M là tiền của ông C, ông M trả lại tiền cho ông C.

3.3 Đối với phía bị đơn là ông Lê Văn M dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn M vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, ông Lê Văn M đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C buộc ông Lê Văn M có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) là có cơ sở.

[5] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ.QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội. Ông M phải chịu án phí là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; 228; 239 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 513; 516, 517, 520 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về “Hợp đồng dịch vụ”.

- Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông C không yêu cầu bồi thường hợp đồng.

Ghi nhận bà Liên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn M phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

+ Ông Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí. Chi Cục Thi hành án Dân sự Huyện Hóc Môn hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền án phí đã tạm nộp 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi) theo biên lai thu số AA/2019/ 0076133 ngày 28 tháng 7 năm 2020.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Nga